

Bản án số: 41/2018/ HN-ST

Ngày: 27-02-2018

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HÀI**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

- Thư ký phiên tòa: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên
tòa: Không có tham gia.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 910/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN THANH H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh H do quen biết tìm hiểu nhau trước nên đã tiến đến hôn nhân năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh H thường xuyên ăn nhậu, xúc phạm danh dự chị, đời sống vợ chồng không hòa hợp. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng vẫn không khắc phục được. Anh chị đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay.

Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thuy C, sinh ngày 04/01/2001 hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Con chung chị yêu cầu nuôi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Bị đơn anh Nguyễn Thanh H tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng theo anh là không có gì lớn, chỉ có bất đồng ý kiến, anh có lời lẽ xúc phạm vợ, anh cũng có nhậu nhưng ít. Anh hứa sẽ khắc phục, sửa chữa lỗi lầm, mong chị T cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị T nuôi con, anh không phải cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh H qua quá trình tìm hiểu nhau trước mới tiến đến hôn nhân năm 1999. Anh chị có thời gian khá dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng năm 2016 đến nay thì giữa 02 anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Nguyên nhân do anh H có nhậu và có lời lẽ xúc phạm chị T, làm ảnh hưởng đến danh dự uy tín của chị với bạn bè đồng nghiệp. Trong thời gian ly thân anh chị cũng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không đạt được tiếng nói chung. Hơn nữa từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến nay mặc dù anh chị đã được động viên đoàn tụ nhiều lần nhưng phía chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh H không đồng ý ly hôn, thiết tha được đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cũng theo xác nhận của ban quản lý ấp nơi anh chị cư trú thì giữa anh chị mâu thuẫn thế nào thì địa phương không nắm. Hiện tại bà T và ông H đang ly thân, con chung đang sống cùng mẹ. Đồng thời qua làm việc với con chung của anh chị là cháu Thụy C thì cháu trình bày cha mẹ có xảy ra mâu thuẫn, cha thường xuyên chửi mẹ, cũng có đôi khi đánh mẹ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được ly hôn anh H.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thụy C sinh ngày 04/01/2001 hiện đang sống cùng chị T từ lúc ly thân. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ yêu cầu nuôi con chung, không cần anh H cấp dưỡng, phía anh H cũng đồng ý để chị T nuôi con chung nếu vợ chồng ly hôn. Qua làm việc với cháu C cháu cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy cháu C từ khi cha mẹ ly thân vẫn được học hành và phát triển bình thường, cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung, hơn nữa cháu C là con gái nên cần sự chăm sóc hướng dẫn từ mẹ, bản thân chị T cũng có công việc và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Thụy C cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.
2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi cháu Nguyễn Thụy C sinh ngày 04/01/2001. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.
Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07916 ngày 09/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.
6. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.
Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

